

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 754/2025/DS-PT
Ngày 15-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: 1. Bà Ngô Thị Bích Diệp.

2. Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 325/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 360/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Vương L, sinh năm 1963; địa chỉ: số C, đường B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: số C, đường B, tổ C, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Võ Hà Thiên P, sinh năm 1975; địa chỉ: số 116a, đường L, tổ B, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: số 116a, đường L, tổ B, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Thành N, sinh năm 1998; địa chỉ: số E, đường P, tổ G, khu phố E, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: số E, đường P, tổ G, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương), là

người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 02 năm 2024). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Vương Quốc T, sinh năm 2001; địa chỉ: số C, đường B, tổ C, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: số C, đường B, tổ C, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Vương Quốc T: Bà Vương L, sinh năm 1963; địa chỉ: số C, đường B, tổ C, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: số C, đường B, tổ C, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương), là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 5 năm 2024). Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Vương L và bị đơn bà Võ Hà Thiên P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Vương L trình bày:

Từ năm 2020 cho đến năm 2022 đến nay, bà Vương L đã nhiều lần cho bà Võ Hà Thiên P vay tiền, cụ thể: ngày 27/5/2020, vay 100.000.000 đồng; ngày 20/12/2020, vay 100.000.000 đồng; ngày 01/3/2022, vay 150.000.000 đồng và ngày 19/3/2022, vay 50.000.000 đồng. Đối với lần vay tiền ngày 19/3/2022, bà P không nhận tiền mà chỉ ký chót nợ đối với khoản vay ngày 01/8/2019.

Ngày 01/8/2019, bà L cho bà P vay số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 19/3/2022, bà P trả bà L 250.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng nên các bên lập Biên nhận vay tiền ngày 19/3/2022. Ngày 20/3/2022, bà L mới viết biên nhận xác nhận theo yêu cầu của bà P về việc bà P có trả số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi viết biên nhận thì bà L đã giao trả bản chính giấy vay tiền ngày 01/8/2019 cho bà P nên hiện nay bà L chỉ còn lưu giữ bản photocopy (có chụp hình lại bản chính giấy mượn tiền).

Tổng cộng số tiền vay gốc bà P còn nợ bà L đến thời điểm hiện nay là 400.000.000 đồng.

Thời điểm vay tiền, các bên có lập giấy vay tiền nhưng không thỏa thuận lãi suất và thời gian vay, mỗi tháng bà P muốn đưa bà L bao nhiêu tiền lãi suất thì đưa. Quá trình vay tiền, do thời gian đã lâu nên bà L không xác định được chính xác số tiền lãi bà P đã trả. Quá trình trả lãi thì bà P không trả đều và từ tháng 11/2023 đến nay, bà P không trả lãi nữa. Do bà P vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi hàng tháng nên bà L khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng tính từ ngày 09/11/2023 đến thời điểm xét xử với số tiền 120.000.000 đồng (400.000.000 đồng x 15 tháng x 2%/tháng). Tổng cộng là 520.000.000 đồng.

2. *Bị đơn bà Võ Hà Thiên P và ông Võ Thành Nghĩa L1 người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Bà Võ Hà Thiên P đã nhiều lần vay tiền của bà Vương L với tổng số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), cụ thể:

- Lần 1: Ngày 27/5/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 20/12/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Lần 3: Ngày 01/3/2022, vay số tiền 150.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 19/3/2022, vay số tiền 50.000.000 đồng.

Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, thỏa thuận lãi suất 7%/tháng và bà P đã chuyển khoản trả lãi theo số tài khoản mà bà L cung cấp là 050107892432, Ngân hàng S, chủ tài khoản là ông Nguyễn Vương Quốc T (là con ruột bà L).

Từ ngày 29/9/2020 đến ngày 17/11/2023, bà P đã chuyển khoản trả lãi nhiều lần cho bà L với 29 lần chuyển khoản, tổng số tiền là 218.573.000 đồng (có bản sao kê tài khoản trong hồ sơ vụ án). Do lãi suất quá cao nên bà P không tiếp tục trả tiền lãi nữa.

Đến ngày 20/3/2022, bà P đã trả cho bà L số tiền gốc là 250.000.000 đồng; ngày 15/6/2022, bà P đã trả thêm cho bà L số tiền gốc là 50.000.000 đồng; ngày 30/6/2022, bà P đã trả thêm cho bà L số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc bà P đã trả cho bà L là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng).

Bị đơn đề nghị tính lại tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật (do 2 bên không thỏa thuận được về lãi suất nên áp dụng mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015). Bà P có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu bà L trả lại số tiền đã trả dư là 83.192.000 đồng và lãi suất của số tiền này với mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 8.700.000 đồng. Tổng cộng là 91.892.000 đồng.

Đối với Biên nhận ngày 01/8/2019 mà bà L cung cấp chỉ là bản photocopy, không phải là chứng cứ, không chứng minh được bà P có vay bà L số tiền 300.000.000 đồng vào năm 2019. Bà P xác định ngoài số tiền 400.000.000 đồng theo 4 giấy vay tiền nêu trên thì bà P không vay bà L khoản tiền nào khác. Biên nhận ngày 20/3/2022 thể hiện bà L nhận của bà P số tiền 250.000.000 đồng không phải là tiền bà P trả bà L cho khoản vay ngày 01/8/2019, vì thực tế không có khoản vay này. Lý do khi bà P trả cho bà L số tiền 320.000.000 đồng, bà P không lấy lại các giấy vay tiền bà P đã ký vay tiền của bà L bởi vì bà P đã có chứng cứ thể hiện đã trả bà L 250.000.000 đồng bằng tiền mặt (Biên nhận ngày 20/3/2022) và chứng cứ chuyển khoản với số tiền 70.000.000 đồng.

Bị đơn bà P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vương Quốc T trình bày:

Giữa ông T và bị đơn bà P không có bất kỳ giao dịch dân sự nào. Toàn bộ số tiền ông Nguyễn Vương Quốc T nhận chuyển khoản từ số tài khoản 83491089 – Ngân hàng Á, chủ tài khoản Võ Hà Thiên P và số tài khoản 123333128888 –

Ngân hàng S, chủ tài khoản Võ Hà Thiên P chuyển vào sổ tài khoản 050107892432, chủ tài khoản Nguyễn Vương Quốc T; thời gian từ năm 2020 đến năm 2023 là tiền bà P chuyển cho bà L. Sau khi ông T nhận chuyển khoản từ bà P thì đã giao toàn bộ số tiền này cho bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương L đối với bị đơn bà Võ Hà Thiên P.

Buộc bị đơn bà Võ Hà Thiên P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Vương L số tiền 324.230.372 đồng (ba trăm hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng), trong đó gồm 288.204.776 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu hai trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng) tiền vay gốc và 36.025.596 đồng (ba mươi sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng) tiền lãi suất để chấm dứt toàn bộ khoản vay ngày 27/5/2020, 20/12/2020, 01/3/2022, 19/3/2022.

Kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương L đối với số tiền 195.769.628 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng); trong đó gồm 111.795.224 đồng tiền vay gốc và 83.974.404 tiền lãi suất.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Võ Hà Thiên P.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Ngày 25/02/2025, bị đơn bà Võ Hà Thiên P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 18/02/2025.

Ngày 03/3/2025, nguyên đơn bà Vương L có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 18/02/2025.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không rút kháng cáo. Bị đơn không rút yêu cầu phản tố, không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn trình bày: Toàn bộ số tiền bà P chuyển khoản trả cho bà L đều là tiền lãi, việc bà P ghi nội dung chuyển khoản như thế nào là tùy bà P nhưng thời điểm năm 2022, bà P chưa trả số tiền gốc nào cho bà L, tiền lãi trả không đủ 5%/tháng. Bản chính các giấy nợ đều do bà L giữ nên không có việc bà P đã trả tiền vay gốc cho bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà P không thừa nhận khoản vay 300.000.000 đồng vào ngày 01/8/2019. Số tiền 250.000.000 đồng trả ngày 20/3/2022; 50.000.000 đồng trả ngày 15/6/2022 và 20.000.000 đồng trả ngày 30/6/2022 đều là tiền gốc bà P trả cho bà L đối với tổng các khoản vay 400.000.000 đồng, không xác định trả khoản vay cụ thể nào. Sau khi hòa giải theo Biên bản hòa giải ngày 09/4/2024, người đại diện theo ủy quyền của bà P đã có văn bản giải trình rõ không có khoản vay 300.000.000 đồng, nếu có thì cũng đã thực hiện xong nên bà L không còn bản gốc giấy vay tiền. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của các đương sự trong hạn luật định.

Về nội dung: Các bên đều thừa nhận từ năm 2020 đến năm 2022, bà P nhiều lần vay tiền của bà L với tổng số tiền là 400.000.000 đồng. Đây là chứng cứ không phải chứng minh. Bà L xác định ngoài các khoản vay trên, bà P còn vay 300.000.000 đồng ngày 01/8/2019 nhưng bà P không thừa nhận. Các bên thừa nhận bà P chuyển khoản qua tài khoản ông T để trả nợ cho bà L nhiều lần và trả bằng tiền mặt số tiền 250.000.000 đồng. Bà P xác định số tiền đã trả là tiền gốc và lãi cho khoản vay 400.000.000 đồng. Bà L xác định số tiền 250.000.000 đồng là tiền gốc trả cho khoản vay 300.000.000 đồng ngày 01/8/2019 và tiền chuyển khoản là tiền lãi suất cho tổng các khoản vay là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời khai của phía bà P không có cơ sở chứng minh là trả cho tiền gốc cho khoản vay cụ thể nào, số tiền trả nợ lãi hay nợ gốc đều không phù hợp với thực tế. Cho nên, lời khai và yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở. Đối với lãi suất tiền vay, nguyên đơn xác định 5%/tháng và bị đơn xác định 7% tháng nhưng không có chứng cứ xác định mức lãi suất. Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 18/02/2025.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay và bị đơn cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án sơ thẩm xác định vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết tại nơi cư trú của bị đơn và xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm, nguyên đơn bà L và bị đơn bà P đều thừa nhận bà L cho bà P vay nhiều lần với các khoản vay cụ thể theo các Biên nhận: ngày 27/5/2020, vay 100.000.000 đồng; ngày 20/12/2020, vay 100.000.000 đồng; ngày 01/3/2022, vay 150.000.000 đồng và ngày 19/3/2022, vay 50.000.000 đồng. Nhận thấy, lời thừa nhận của các đương sự nêu trên là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Tòa án phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Biên nhận ngày 01/3/2022 có dấu hiệu tẩy xóa, đề nghị Tòa án làm rõ nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ đã phản bác chứng cứ này tại Tòa án sơ thẩm và vẫn thừa nhận có vay số tiền 150.000.000 đồng ngày 01/3/2022 nên yêu cầu này của người đại diện hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở xem xét.

Ngoài các khoản vay trên, bà L xác định vào ngày 01/8/2019, bà L cho bà P vay số tiền 300.000.000 đồng, bà L chỉ cung cấp được bản photocopy giấy vay tiền (có hình ảnh chụp bản chính giấy vay tiền – bút lục 37). Bà L cho rằng đối với khoản vay 300.000.000 đồng này, bà P đã trả 250.000.000 đồng tiền gốc theo Biên nhận ngày 20/3/2022, còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng nên đã viết Biên nhận ngày 19/3/2022, thực tế ngày 19/3/2022, bà L không giao cho bà P số tiền vay 50.000.000 đồng. Tại Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn đều xác định không có khoản vay 300.000.000 đồng ngày 01/8/2019 nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 09/4/2024, người đại diện theo ủy quyền của bà P thừa nhận ngày 01/8/2019, bà P có vay bà L số tiền 300.000.000 đồng và bà P đã trả tiền vay cho bà L xong và đã xé bỏ giấy vay tiền (bút lục 252 - 253).

Do đó, giao dịch vay tài sản giữa bà L và bà P được xác nhận thông qua các Biên nhận ngày 27/5/2020, ngày 20/12/2020, ngày 01/3/2022, ngày 19/3/2022 và sự thừa nhận của các đương sự về khoản vay 300.000.000 đồng ngày 01/8/2019. Các đương sự thừa nhận việc các bên không thỏa thuận thời gian trả nợ vay gốc, xác định các khoản vay đều có lãi. Như vậy, có cơ sở xác định giao dịch giữa bà L và bà P là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về mức lãi suất vay: Tại Đơn phản tố và lời khai quá trình giải quyết vụ án trước khi xét xử thì phía bà P xác định lãi suất vay 7%/tháng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà P thay đổi lời khai xác định lãi suất do bà P muốn trả bao nhiêu thì trả, khi xác định 7%/tháng, 5%/tháng hoặc trả 100.000 đồng tiền lãi mỗi tháng. Bà L trình bày bà P muốn đưa bao nhiêu tiền lãi thì đưa, tại phiên tòa thì trình bày lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, cả bà L và bà P đều không có chứng cứ xác thực lãi suất như lời khai của các bên. Do bà L và bà P có thỏa thuận lãi suất nhưng không ai chứng minh được lãi suất thỏa thuận và có tranh chấp về mức lãi này nên cần thiết phải áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (là 0,83%/tháng) để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.3] Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay:

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bản sao kê tài khoản 050107892432 của chủ tài khoản là ông Nguyễn Vương Quốc T từ ngày 01/8/2019 đến ngày 10/01/2024 do Ngân hàng TMCP S1 cung cấp (bút lục 270-232), từ ngày 29/9/2020 đến ngày 17/11/2023 với 31 lần chuyển khoản qua số tài khoản của ông T, bà P đã chuyển khoản trả cho bà L tổng số tiền là 288.573.000 đồng. Ngày 20/3/2022, bà P trả tiền mặt cho bà L số tiền 250.000.000 đồng.

Bà L cho rằng toàn bộ số tiền bà P đã chuyển khoản trả bà L 288.573.000 đồng đều là tiền lãi suất 5% cho 05 khoản vay ngày 01/8/2019, ngày 27/5/2020, ngày 20/12/2020, ngày 01/3/2022, ngày 19/3/2022. Riêng số tiền 250.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 20/3/2022, bà P trả bà L bằng tiền mặt, đây là bà P trả cho khoản vay 300.000.000 đồng ngày 01/8/2019. Tuy nhiên, bà P xác định số tiền 218.573.000 đồng là bà P chuyển khoản cho ông T (con bà L) để trả tiền lãi cho bà L theo 04 khoản vay ngày 27/5/2020, ngày 20/12/2020, ngày 01/3/2022 và ngày 19/3/2022; số tiền 70.000.000 đồng chuyển khoản ngày 15/6/2022 (50.000.000 đồng) và ngày 30/6/2022 (20.000.000 đồng) là trả tiền vay gốc nhưng tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà P cho rằng mỗi tháng bà P trả bà L 100.000 đồng tiền lãi, còn lại là trả nợ gốc; riêng số tiền mặt 250.000.000 đồng bà P trả bà L theo Biên nhận ngày 20/3/2022 là trả cho các khoản vay ngày 27/5/2020, ngày 20/12/2020, ngày 01/3/2022 và ngày 19/3/2022, không liên quan đến khoản vay ngày 01/8/2019.

Sau khi xem xét các lần trả tiền vay nêu trên nhận thấy, từ ngày 29/9/2020 đến ngày 04/12/2021, bà P chuyển khoản vào tài khoản ông T tổng số tiền là 148.673.000 đồng, bà P ghi nội dung “CO PHUONG GUI ME”, “CO PHUONG CHUYEN KHOAN CHO ME”, “PHUONG” hay “VO HA THIEN PHUONG” mà không có nội dung là trả tiền gốc hay tiền lãi và không ghi trả cho khoản vay nào. Từ ngày 20/10/2022 đến ngày 20/01/2023, bà P chuyển khoản với tổng số tiền 20.000.000 đồng, bà P ghi nội dung “TIEN LAI”, “LAI”. Từ ngày 21/02/2023 đến ngày 17/11/2023, bà P chuyển khoản tổng số tiền 49.900.000 đồng, nội dung bà P ghi tương ứng từng khoản tiền, từng ngày chuyển với tiền lãi tương ứng từ tháng 02 đến tháng 11/2023 nhưng không ghi trả lãi cho khoản tiền vay nào.

Số tiền 50.000.000 đồng bà P chuyển khoản ngày 15/6/2022 có ghi nội dung “VO HA THIEN PHUONG TRA TIEN NO GOC CHO CO LUI NGAY 15 6 2022” (bút lục 300); số tiền 20.000.000 đồng bà P chuyển ngày 30/6/2022 có ghi nội dung “VO HA THIEN PHUONG NGAY 30 6 2022 TRA THEM TIEN GOC 20 TRIEU CON LAI 180 TRIEU” (bút lục 299). Và Biên nhận ngày 20/3/2022 có nội dung “...Cô Võ Hà Thiên P có trả số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng)” (bút lục 76), mà không có nội dung nào thể hiện trả số tiền này cho khoản vay nào.

Đồng thời, Bản sao kê tài khoản 050107892432 của chủ tài khoản là ông Nguyễn Vương Quốc T từ ngày 01/8/2019 đến ngày 10/01/2024 do Ngân hàng TMCP S1 cung cấp (bút lục 270-232) thể hiện từ ngày 01/8/2019 đến ngày

28/9/2020 không phát sinh giao dịch chuyển tiền nào của bà P cho ông T. Bà P cũng không chứng minh được đã trả thêm khoản tiền nào khác cho bà L.

Bên cạnh đó, căn cứ vào lời khai của bị đơn cho rằng lãi suất 7% cho các khoản vay, nếu tính chi tiết thì số tiền lãi bà P phải trả cho bà L tương ứng khoản vay 100.000.000 đồng là 7.000.000 đồng/tháng; khoản vay 150.000.000 đồng là 10.500.000 đồng/tháng; khoản vay 50.000.000 đồng là 3.500.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, đối chiếu với số tiền mỗi lần bà P chuyển khoản trả bà L ít nhất là 2.000.000 đồng, nhiều nhất 01 lần 33.000.000 đồng, mà không có số tiền nào tương ứng với tiền lãi phải trả như bà P trình bày. Mặt khác, theo lời khai của bị đơn thì đến ngày 30/6/2022, bà P chỉ còn nợ bà L 80.000.000 đồng tiền gốc nhưng từ ngày 20/10/2022, bà P vẫn tiếp tục chuyển khoản trả tiền cho bà L trung bình mỗi tháng 5.000.000 đồng và nội dung chuyển khoản ghi rõ là “LAI”. Khi so sánh với số tiền bà P vay và trả thì lời khai của bà P không phù hợp với thực tế diễn biến nợ vay và số tiền trả nên lời khai của bị đơn không được chấp nhận.

Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định bà P vay bà L các khoản tiền vay theo các Biên nhận ngày 01/8/2019 (300.000.000 đồng), ngày 27/5/2020 (100.000.000 đồng), ngày 20/12/2022 (100.000.000 đồng) và ngày 01/3/2022 (150.000.000 đồng), xác định số tiền vay gốc 250.000.000 đồng bà P đã trả bà L theo biên nhận ngày 20/3/2022 là trả cho khoản vay ngày 01/8/2019 và toàn bộ số tiền chuyển khoản 288.573.000 đồng là tiền lãi suất cho các khoản vay nêu trên là có căn cứ. Đồng thời, Tòa án sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tính lại lãi suất của các khoản vay bà P phải trả bà L từ ngày vay tiền của từng khoản vay đến thời điểm trả lãi sau cùng ngày 17/11/2023, riêng đối với khoản vay ngày 01/8/2019 tính từ ngày bắt đầu khoản vay đến ngày kết thúc khoản vay là ngày 19/3/2022 (ngày các bên chốt khoản nợ 300.000.000 đồng, trả 250.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng chuyển sang Biên nhận ngày 19/3/2022) là phù hợp. Cụ thể:

- Đối với khoản vay ngày 01/8/2019, tiền lãi tính đến ngày 19/3/2022: $300.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ năm } 7 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 79.000.000 \text{ đồng (1)}$.

- Đối với khoản vay ngày 27/5/2020, tiền lãi tính đến ngày 17/11/2023: $100.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ năm } 5 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 34.722.222 \text{ đồng (2)}$.

- Đối với khoản vay ngày 20/12/2020, tiền lãi tính đến ngày 17/11/2023: $100.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 29.083.333 \text{ đồng (3)}$.

- Đối với khoản vay ngày 01/3/2022, tiền lãi tính đến ngày 17/11/2023: $150.000.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ năm } 8 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 25.666.666 \text{ đồng (4)}$.

- Đối với khoản vay ngày 19/3/2022, tiền lãi tính đến ngày 17/11/2023: $50.000.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ năm } 7 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 8.305.555 \text{ đồng (5)}$.

Như vậy, tổng tiền lãi bà P phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) = 176.777.776 đồng.

Do số tiền lãi bà P trả cho bà L là 288.573.000 đồng vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định nên phần vượt này không có hiệu lực pháp luật mà cần khấu

trừ vào tiền gốc bà P vay của bà L để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên, cụ thể: $288.573.000 \text{ đồng} - 176.777.776 \text{ đồng} = 111.795.224 \text{ đồng}$. Như vậy, đến ngày 17/11/2023, bà P còn nợ bà L số tiền gốc là $400.000.000 \text{ đồng} - 111.795.224 \text{ đồng} = 288.204.776 \text{ đồng}$. Bà P có trách nhiệm trả nợ vay gốc cho bà L số tiền 288.204.776 đồng.

Về lãi suất: Bà L yêu cầu bà P trả tiền lãi vay với mức lãi suất 2%/tháng tính từ ngày 09/11/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, tuy nhiên căn cứ Bản sao kê tài khoản 050107892432 nêu trên, bà P trả lãi cho bà L đến ngày 17/11/2023 và mức lãi suất bà L yêu cầu vượt quá quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Tòa án sơ thẩm chỉ chấp nhận tính lãi từ ngày tiếp theo của ngày trả lãi sau cùng (tức từ ngày 18/11/2023) và áp dụng mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp, cụ thể: $288.204.776 \text{ đồng} \times 1 \text{ năm} \times 3 \text{ tháng} \times 10\% / \text{năm} = 36.025.596 \text{ đồng}$. Như vậy, bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền lãi là 36.025.596 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi bà P có nghĩa vụ trả cho bà L là $288.204.776 \text{ đồng} + 36.025.596 \text{ đồng} = 324.230.372 \text{ đồng}$.

[2.4] Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 324.230.372 đồng (trong đó, gốc là 288.204.776 đồng và lãi là 36.025.596 đồng); không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 195.769.628 đồng; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bà P là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Vương L, bị đơn bà Võ Hà Thiên P là không có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí, thuộc trường hợp được miễn nên không phải chịu; bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vương L và bị đơn bà Võ Hà Thiên P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Vương L được miễn án phí.

Bà Võ Hà Thiên P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009397 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Tòa phúc thẩm – TAND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (12), 74.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Trúc